

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 09-01-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông

2. Bà Trần Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đ, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần V – chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư A - chi nhánh Q. Có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2018 Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Q đã cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh C vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/3803538/HĐTD ngày 26/4/2018, mục đích vay vốn: để vợ chồng ông C sửa chữa nhà ở, số tiền vay gốc là

200.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 8%/năm; Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã T, thành phố T, tỉnh Q theo GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 553575 do UBND thành phố Tam Kỳ cấp ngày 04/6/2014.

Trong quá trình vay vốn vợ chồng ông C vẫn trả nợ gốc và lãi hàng tháng đầy đủ, tuy nhiên ông C đang có khoản nợ vay tại Ngân hàng TMCP T bị quá hạn, do đó khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A bị kéo nhóm nợ xấu (nợ nhóm 3). Kể từ khi phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã tích cực dùng mọi biện pháp để thu hồi nợ vay như: đôn đốc và nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, bà T để thu hồi nợ nhưng đến nay vợ chồng ông C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi, đã để nợ quá hạn, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc còn lại là 111.160.018đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 09/01/2023 là 124.256 đồng, lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà vợ chồng ông Nguyễn Thanh C không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Thanh C để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Tôi đồng ý vợ chồng tôi có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Q theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/3803538/HĐTD ngày 26/4/2018, số tiền vay gốc, lãi suất, mục đích, tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay như đại diện ngân hàng trình bày. Trong quá trình vay vốn, tôi vẫn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Q đúng hạn. Tuy nhiên, do tôi có vay vốn chỗ các tổ chức tín dụng khác quá hạn nên kéo theo nợ của Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Q chuyển sang nợ quá hạn. Nay ngân hàng khởi kiện, tôi yêu cầu được trả dần theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị T đã được tổng đạt, niêm yết các thông báo của Tòa án nhưng không đến tham gia giải quyết nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T cùng địa chỉ tại: thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, lý do khởi kiện là bị đơn không trả khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định bị đơn là ông Nguyễn Thanh C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên tại đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T, tại bản tự khai ông Nguyễn Thanh C cũng cho rằng đây là khoản vay của vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng và xác định bị đơn là ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ông C, bà T vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng số 01/2018/3803538/HĐTD ngày 26/4/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A – chi nhánh Q và ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T thấy rằng: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng tín dụng có thể hiện rõ Ngân hàng Thương mại cổ phần A – chi nhánh Q cho ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T vay số tiền gốc 200.000.000đồng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay: sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 120 tháng và thỏa thuận trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, do vậy hợp đồng có hiệu lực.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BR 553575 do UBND thành phố Tam Kỳ cấp ngày 04/6/2014 của vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T. Trong quá trình vay vốn vợ chồng ông Nguyễn Thanh C đã trả được 88.839.982 đồng nợ gốc, còn 111.160.018 đồng nợ gốc và lãi phát sinh.

Trong quá trình vay vốn vợ chồng ông C vẫn trả nợ gốc và lãi hàng tháng đầy đủ, tuy nhiên ông C đang có khoản nợ vay tại các tổ chức tín dụng khác bị quá hạn, do đó khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A bị kéo nhóm nợ xấu (nợ nhóm 3). Theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 30-7-2021, khoản 3 Điều 8 có quy định” “ Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được danh sách khách hàng do CIC cung cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: a) Điều chỉnh nhóm nợ theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do CIC cung cấp”; Theo quy định tại điểm o Điều 9 quy định tại điều kiện và điều khoản

vay kèm theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thì Bên vay được coi là vi phạm hợp đồng tín dụng trong trường hợp sau: “*Bên vay có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ*”.

Khi khoản nợ giữa ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần A chuyển sang nợ xấu, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp đôn đốc thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu trả khoản nợ gốc còn lại là 111.160.018 đồng và lãi tính đến hết ngày 09-01-2023 là 124.256 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1] Xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/3003538 ngày 26-4-2018 được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Việc ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/3803538/HĐBĐ ngày 26-4-2018, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 553575 do UBND thành phố T cấp ngày 04-6-2014 cho hộ ông Nguyễn T, tặng cho ông Nguyễn Thanh C ngày 02-01-2018 là do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này được Công chứng và đăng ký thế chấp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực.

Sau khi ký kết các hợp đồng với Ngân hàng, bị đơn đã không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp ông C, bà T không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 553575 do UBND thành phố T cấp ngày 04-6-2014 cho hộ ông Nguyễn T, tặng cho ông Nguyễn Thanh C ngày 02-01-2018 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/3803538/HĐBĐ ngày 26-4-2018.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: số tiền chi phí thẩm định tài sản tranh chấp là 1.400.000 đồng ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải chịu. Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng do đó ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 111.284.274 đồng (*Một trăm mười một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc còn lại là 111.160.018 đồng (*Một trăm mười một triệu một trăm sáu mươi nghìn, không trăm mười tám đồng*) và tiền lãi tính đến hết ngày 09-01-2023 là 124.256 đồng (*Một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*).

Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 10-01-2023 cho đến khi ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/3803538/HĐTD ngày 26 tháng 4 năm 2018.

Trường hợp ông C, bà T không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 553575 do UBND thành phố T cấp ngày 04-6-2014 cho hộ ông Nguyễn T, tặng cho ông Nguyễn Thanh C ngày 02-01-2018 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/3803538/HĐBĐ ngày 26-4-2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 5.564.213 đồng (*Năm triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm mười ba đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 3.037.000 đồng (*Ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009825 ngày 07-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q.

3. Về chi phí tố tụng: số tiền chi phí thẩm định tài sản tranh chấp là 1.400.000 đồng (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải chịu. Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm

ứng do đó ông Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Thanh C, bà Nguyễn Thị T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp T;
- Tòa án tỉnh, VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Huỳnh Lý